



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO BÌ HÙNG VƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Bao bì Hùng Vương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Công ty

Công ty cổ phần Bao bì Hùng Vương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201900473 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 29/08/2018, đăng ký sửa đổi lần thứ 05 ngày 21/08/2025.

Trụ sở chính

Số 525, Đường Hùng Vương, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Lê Hồng Văn	Chủ tịch
Bà: Nguyễn Thị Hoãn	Ủy viên
Ông: Trương Thế Quỳnh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Lê Hồng Văn	Giám đốc
Ông: Trương Thế Quỳnh	Phó Giám đốc
Ông: Phạm Tiến Mạnh	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Ngát	Trưởng ban
Ông: Nguyễn Văn Chiến	Thành viên
Ông: Phan Huy Trung	Thành viên

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÙNG VƯƠNG
Số 525, Đường Hùng Vương, Phường Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 3 năm 2026

TM. Ban Giám đốc



Lê Hồng Văn



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Tầng 14 tòa nhà SUDICO, đường Mễ Trì, phường Từ Liêm, TP. Hà Nội

T: (+84 24) 3868 9566

(+84 24) 3868 9588

F: (+84 24) 3868 6248

W: www.kiemtoanava.com.vn

Số: 354/BCKT-TC/AVA.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Bao bì Hùng Vương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Bao bì Hùng Vương, được lập ngày 25/03/2026, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Bao bì Hùng Vương tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



Nguyễn Sơn Thanh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số 0591-2023-126-1
Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Ngọc Sao
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số 6178-2023-126-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		79.274.993.979	77.742.054.869
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	18.347.300.351	8.460.540.128
1. Tiền	111		9.847.300.351	5.460.540.128
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.500.000.000	3.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.683.734.437	45.280.832.643
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	42.615.104.155	46.323.011.339
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	131.231.800	60.960.800
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	347.500.268	270.695.890
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(1.410.101.786)	(1.373.835.386)
III. Hàng tồn kho	140		13.114.759.721	16.103.037.184
1. Hàng tồn kho	141	V.7	13.114.759.721	16.103.037.184
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.129.199.470	7.897.644.914
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.1	352.885.270	362.585.329
2. Thuê GTGT được khấu trừ	152		5.776.314.200	7.535.059.585
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46.824.685.702	32.296.521.235
I. Tài sản cố định	220		18.139.879.362	20.413.072.163
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	18.139.879.362	20.411.405.496
- Nguyên giá	222		53.333.810.158	49.202.360.980
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(35.193.930.796)	(28.790.955.484)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	1.666.667
- Nguyên giá	228		100.000.000	100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(100.000.000)	(98.333.333)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		15.760.419.287	570.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	15.760.419.287	570.000.000
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	11.996.932.234	9.849.027.119
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.000.000.000	15.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(3.003.067.766)	(5.150.972.881)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		927.454.819	1.464.421.953
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.2	927.454.819	1.464.421.953
TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270=100+200)	270		126.099.679.681	110.038.576.104

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		53.338.045.215	50.691.738.342
I. Nợ ngắn hạn	310		53.338.045.215	50.691.738.342
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	25.126.183.786	25.310.468.795
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	77.925.746	4.497.400
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	5.008.384.513	2.838.307.264
4. Phải trả người lao động	314		8.941.139.825	7.425.518.081
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	11.617.172	11.186.113
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	11.159.556	47.614.012
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	12.701.500.617	13.342.912.677
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.460.134.000	1.711.234.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		72.761.634.466	59.346.837.762
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	72.761.634.466	59.346.837.762
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.096.040.000	8.096.040.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.403.212.000	2.403.212.000
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		736.407.000	736.407.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.525.975.466	18.111.178.762
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		13.606.636.906	8.773.677.410
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.919.338.560	9.337.501.352
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)	440		126.099.679.681	110.038.576.104

Hải Phòng, ngày 25 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Nguyễn Thị Ngát

Nguyễn Thị Hoãn

Lê Hồng Văn

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	277.836.005.021	256.588.155.160
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		277.836.005.021	256.588.155.160
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	236.589.203.607	219.800.644.529
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		41.246.801.414	36.787.510.631
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	179.140.382	79.813.932
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	(1.338.103.190)	1.823.457.003
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		802.394.159	626.065.741
7. Chi phí bán hàng	25	VI.5	5.488.270.001	8.598.191.379
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	9.360.954.330	9.274.009.175
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		27.914.820.655	17.171.667.006
10. Thu nhập khác	31	VI.6	118.100.000	107.382.066
11. Chi phí khác	32	VI.7	32.828.111	11.472.179
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		85.271.889	95.909.887
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		28.000.092.544	17.267.576.893
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	5.650.230.984	3.499.552.541
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		22.349.861.560	13.768.024.352
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	7.449,95	4.589,34

Hải Phòng, ngày 25 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngát

Nguyễn Thị Hoàn

Lê Hồng Văn

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01		291.192.950.341	251.885.168.704
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và DV	02		(202.784.227.305)	(190.903.905.906)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(42.746.139.193)	(39.364.455.003)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(801.963.100)	(615.988.428)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(3.622.291.397)	(2.601.990.214)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.511.087.236	5.214.714.250
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9.214.923.489)	(7.865.439.445)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		40.534.493.093	15.748.103.958
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(21.823.245.868)	(8.039.094.612)
2. Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		129.110.000	91.542.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		98.893.691	85.526.864
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.595.242.177)	(10.862.025.748)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	61.098.863.377	42.220.986.260
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(61.740.275.437)	(43.330.305.629)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.417.993.700)	(8.861.046.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.059.405.760)	(9.970.365.369)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		9.879.845.156	(5.084.287.159)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.460.540.128	13.546.356.589
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi NT	61		6.915.067	(1.529.302)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		18.347.300.351	8.460.540.128

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngát

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoãn

Hải Phòng, ngày 25 tháng 3 năm 2026



Lê Hồng Văn